

CÓ THỂ KÊ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TẠI NHÀ!

2025

Cách lập tờ khai quyết toán thuế
thông qua trang chủ của Tổng cục Thuế Quốc gia
dành cho người làm công ăn lương



[Tiếng Việt]

Tháng 1 năm 2026

Cách lập tờ khai quyết toán thuế

1. Vui lòng xem bản hướng dẫn này để có thể lập tờ khai quyết toán thuế thông qua trang chủ (<https://www.keisan.nta.go.jp/kyoutu/ky/sm/top#bsctrl>)
2. Điền địa chỉ, họ tên và những hạng mục cần thiết khác vào “Giấy xác nhận hình thức cư trú”.
3. Tải về và in “Giấy xác nhận hình thức cư trú” từ <https://www.nta.go.jp/taxes/shiraberu/shinkoku/yoshiki/01/shinkokusho/pdf/r07/19.pdf>
4. Nếu bạn nộp qua e-Tax (phương thức dùng thẻ mã số cá nhân), vui lòng gửi qua đường bưu điện “Giấy xác nhận hình thức cư trú” cùng giấy tờ đính kèm.
Nếu bạn nộp bản giấy, vui lòng gửi qua đường bưu điện bản in tờ khai thuế, “Giấy xác nhận hình thức cư trú” cùng giấy tờ đính kèm.,

Góc lập tờ khai ở đây



LƯU Ý

Bản hướng dẫn này giải thích cách lập tờ khai quyết toán thuế dành cho người nước ngoài đang làm việc tại các công ty của Nhật Bản.

Do đó, chỉ những người nhận lương từ công ty mới có thể lập tờ khai quyết toán thuế theo cách này.

Ngoài ra, khi tính thuế, có nhiều khoản khấu trừ có thể được khấu trừ khỏi thu nhập (khấu trừ thu nhập), nhưng ở đây chúng tôi chỉ giải thích cho các trường hợp sau đây.

Xin vui lòng đọc thật kỹ!



Nhân viên thuế Futaba

1. Trường hợp có người thân là người phụ thuộc

(Ngoại trừ các trường hợp đang phụ dưỡng những người ngoài đối tượng được liệt kê ở mục 60 trang 37, hoặc đang phụ dưỡng người thân từ 70 tuổi trở lên sống cùng.)

2. Trường hợp đang đóng tiền Bảo hiểm y tế quốc gia

3. Trường hợp đang đóng tiền Bảo hiểm hưu trí quốc gia

4. Trường hợp đang đóng các khoản quyền góp

5. Trường hợp đang chi trả các khoản chi phí y tế

(Ngoại trừ các trường hợp được áp dụng các ngoại lệ về khấu trừ chi phí y tế khi thanh toán tiền mua thuốc không kê đơn cụ thể, v.v...)

Do đó, **những người đang tự kinh doanh cửa hàng**, những người đang làm công ăn lương nhưng **có khoản thu nhập khác ngoài lương** hoặc những người xây nhà mới muốn **nhận khấu trừ đặc biệt cho các khoản vay về nhà ở**, v.v... cần lưu ý rằng sẽ không thể lập được tờ khai quyết toán thuế theo bản hướng dẫn này.



Người đang tự kinh doanh cửa hàng



Người muốn được khấu trừ đặc biệt cho các khoản vay về nhà

Đề lập tờ khai quyết toán thuế, hãy chuẩn bị sẵn những giấy tờ sau.

1. Phiếu khấu trừ thuế tại nguồn
2. Bản sao thẻ cư trú (hoặc giấy chứng nhận đăng ký người nước ngoài) (cả 2 mặt)
3. Giấy tờ có thể xác định mã số cá nhân (thẻ my number hoặc thẻ thông báo, v.v...)
4. Trường hợp được áp dụng khấu trừ người phụ thuộc:

(1) Trường hợp người thân phụ thuộc đang sống ở Nhật
Bản sao thẻ cư trú (hoặc giấy chứng nhận đăng ký người nước ngoài) của người phụ thuộc

(2) Trường hợp người thân phụ thuộc không sống ở Nhật (Người phụ thuộc là người không cư trú).

1) Giấy tờ chứng minh người phụ thuộc là người thân của bạn. (Giấy tờ liên quan đến người thân)

2) Giấy tờ chứng minh việc chuyển tiền cho người thân phụ thuộc (Giấy tờ liên quan đến chuyển tiền)

(Lưu ý)

A. Giấy tờ ở mục 1) cần bản gốc. Giấy tờ ở mục 2) có thể nộp bản sao, không nhất thiết phải là bản gốc.

B. Đối với các giấy tờ ở mục 2), nếu có nhiều người thân phụ thuộc, hãy đính kèm riêng phần giấy tờ của từng người.

C. Nếu các giấy tờ cần thiết như giấy chứng nhận các loại được lập bằng tiếng nước ngoài thì cần phải có bản dịch sang tiếng Nhật.

D. Một người không thể cùng một lúc là người phụ thuộc của hai người.

Người thân là người không cư trú	Độ tuổi	Phân loại người thân là người không cư trú	Các giấy tờ cần thiết (Cần phải có bản dịch tiếng Nhật)
Những người không phải là vợ/chồng	Từ 30 tuổi cho đến dưới 70 tuổi	(A) Những người không còn địa chỉ hoặc nơi cư trú tại trong nước do đi du học	- Giấy tờ liên quan đến người thân - Giấy tờ liên quan đến chuyển tiền - Giấy tờ visa du học
		(B) Người khuyết tật	- Giấy tờ liên quan đến người thân - Giấy tờ liên quan đến chuyển tiền
		(C) Những người đã nhận được khoản tiền từ 380.000 Yên trở lên từ bạn trong năm Reiwa 7 (năm 2025) để trang trải chi phí sinh hoạt hoặc chi phí giáo dục.	- Giấy tờ liên quan đến người thân - Giấy tờ chuyển tiền 380.000 yên
		Những người khác ngoài (A) đến (C) nêu ở trên	Không thuộc đối tượng để khấu trừ người phụ thuộc
	Từ 16 tuổi và dưới 30 tuổi hoặc trên 70 tuổi		- Giấy tờ liên quan đến người thân - Giấy tờ liên quan đến chuyển tiền
Vợ/chồng			- Giấy đăng ký kết hôn - Giấy tờ liên quan đến chuyển tiền

“Người không cư trú” là chỉ những cá nhân không có địa chỉ ở Nhật Bản và không sinh sống liên tục tại Nhật Bản từ một năm trở lên cho đến thời điểm hiện tại.

“Giấy tờ liên quan đến người thân” là giấy tờ do chính phủ nước ngoài hoặc chính quyền địa phương nước ngoài cấp trong đó có ghi họ tên, ngày tháng năm sinh và địa chỉ hoặc nơi cư trú của người thân là người không cư trú (giấy khai sinh, giấy đăng ký kết hôn, v.v.).

“Giấy tờ liên quan đến chuyển tiền” là các giấy tờ sau đây làm rõ việc bạn đã thực hiện các khoản thanh toán để trang trải chi phí sinh hoạt hoặc chi phí giáo dục cho người thân, là người không cư trú, của mình trong năm đó. Nếu bạn muốn nhận khoản khấu trừ phụ thuộc cho nhiều người thân là người không cư trú, bạn cần phải có các giấy tờ liên quan đến chuyển tiền chứng minh rằng bạn đã gửi tiền cho từng người thân, là người không cư trú, của mình.

- Bản gốc hoặc bản sao giấy tờ do tổ chức tài chính cấp làm rõ việc bạn đã thanh toán cho người thân, là người không cư trú, thông qua giao dịch ngoại hối do tổ chức tài chính đó thực hiện.
- Bản gốc hoặc bản sao của bản sao kê chi tiết sử dụng do công ty phát hành thẻ tín dụng cấp. Đây là giấy tờ làm rõ việc bạn có ký kết hợp đồng sử dụng với công ty phát hành thẻ tín dụng đó và bạn đã chi trả các khoản tiền mà người thân của bạn, là người không cư trú, đã dùng thẻ tín dụng gia đình để mua sắm sản phẩm hoặc tiêu dùng khác.
- Tài liệu hoặc bản sao tài liệu của doanh nghiệp kinh doanh phương tiện thanh toán điện tử (bao gồm một số ngân hàng nhất định, v.v...phát hành phương tiện thanh toán điện tử hoặc nhà cung cấp dịch vụ chuyển tiền) chứng nhận rõ ràng việc bạn đã thanh toán cho người thân cư trú ở nước ngoài bằng cách chuyển tiền qua phương tiện thanh toán điện tử của doanh nghiệp kinh doanh phương tiện thanh toán điện tử đó.

“Giấy tờ chuyển tiền 380.000 yên” thuộc loại **“Giấy tờ liên quan đến chuyển tiền”** làm rõ tổng số tiền bạn đã chi trả cho người thân là người không cư trú, trong năm đó là 380.000 yên trở lên.

“Giấy tờ visa du học” là các giấy tờ (a) hoặc (b) được liệt kê dưới đây, liên quan đến người thân là người không cư trú, được cấp bởi chính phủ nước ngoài hoặc cơ quan chính quyền địa phương của nước ngoài. Những giấy tờ này chứng minh rằng người thân là người không cư trú đó đã không còn địa chỉ và nơi cư trú trong nước do đã có tư cách tương đương với tư cách lưu trú du học tại nước ngoài.

- (a) Bản sao giấy tờ thuộc loại visa ở nước ngoài
- (b) Bản sao giấy tờ tương đương thẻ cư trú ở nước ngoài

“Người khuyết tật” là người thuộc một trong các trường hợp từ (a) đến (h) dưới đây.

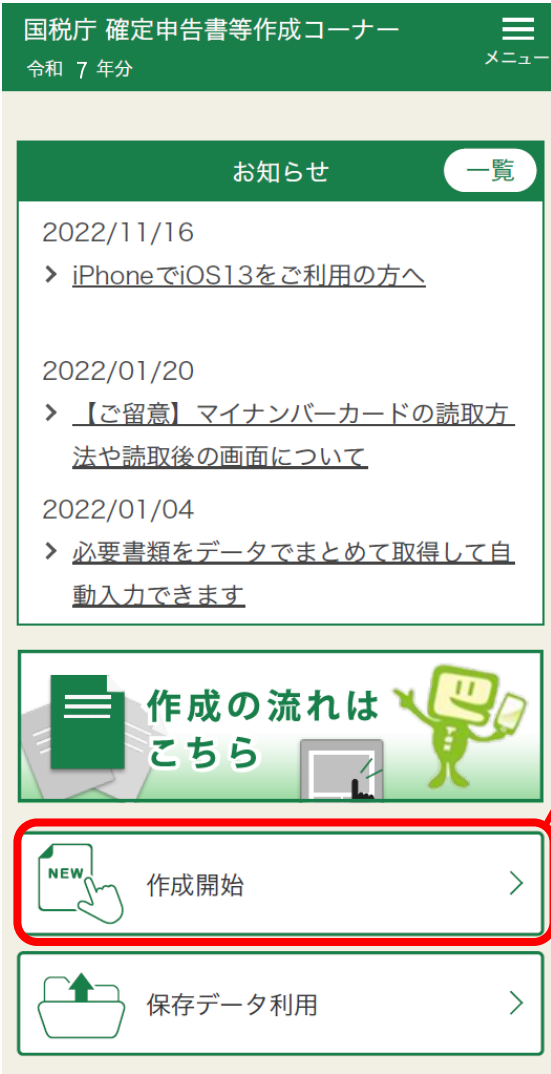
- (a) Những người thường xuyên trong tình trạng thiếu khả năng nhận thức lý lẽ do rối loạn về mặt tâm thần. Những người thuộc đối tượng này được coi là người khuyết tật đặc biệt.
- (b) Những người được Trung tâm Tư vấn trẻ em, Trung tâm Phục hồi người khuyết tật trí tuệ, Trung tâm Phúc lợi sức khỏe tâm thần hoặc bác sĩ chuyên khoa sức khỏe tâm thần xác định là chậm phát triển trí tuệ.
- (c) Những người nhận được cấp phát “Sổ y tế và phúc lợi cho người rối loạn tâm thần” theo quy định của Luật về Phúc lợi cho người rối loạn tâm thần và Chăm sóc Sức khỏe Tâm thần.
- (d) Những người được ghi là người có khuyết tật về mặt thể chất vào “Sổ người khuyết tật thể chất” được cấp phát theo quy định của Luật Phúc lợi cho người khuyết tật về thể chất.
- (e) Những người được cấp “Sổ thương, bệnh binh” theo quy định của Luật Chăm sóc và hỗ trợ đặc biệt cho thương, bệnh binh.
- (f) Những người đã được Bộ trưởng Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi chứng nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Luật Chăm sóc và hỗ trợ nạn nhân bom nguyên tử.
- (g) Những người đang ở trong tình trạng nằm liệt giường do khuyết tật về thể chất kéo dài hơn 6 tháng tính đến tình trạng hiện tại vào ngày 31 tháng 12 của năm đó, đồng thời cần sự chăm sóc phức tạp (được chứng nhận là đang ở trong tình trạng đến mức không thể tự đi đại tiện được nếu không có sự chăm sóc điều dưỡng).

Những người thuộc đối tượng này được coi là người khuyết tật đặc biệt.

- (h) Những người ở độ tuổi từ 65 tuổi trở lên bị rối loạn tâm thần hoặc có khuyết tật về thể chất, được người đứng đầu địa phương, trưởng khu vực đặc biệt hoặc người đứng đầu Văn phòng Phúc lợi, v.v... chứng nhận là người có mức độ khuyết tật tương đương với những người thuộc mục (a), (b) hoặc (d) kể trên.

(Lưu ý) Cho dù đã được chính phủ nước ngoài cấp sổ tương đương với Sổ người khuyết tật về thể chất, nhưng nếu không thuộc vào bất kỳ trường hợp nào được mô tả ở trên thì cũng không được xem là người khuyết tật. (Sổ người khuyết tật do nước ngoài cấp không phải là tài liệu được phát hành tại Nhật Bản, nên không thuộc vào trường hợp (d) đã nêu ở phía trên).5. Bản sao mặt trước và mặt sau trang bìa sổ ngân hàng

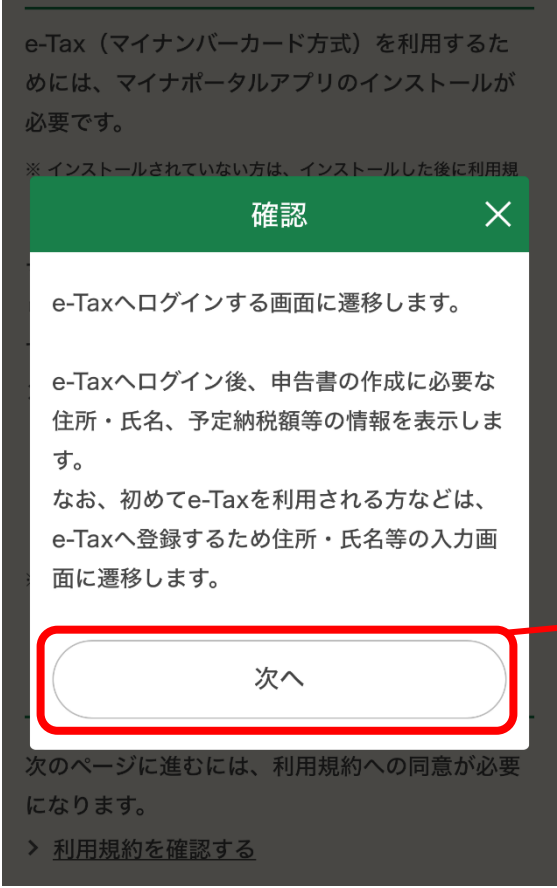
5. Bản sao mặt trước và mặt sau trang bìa sổ ngân hàng
6. Đối với khấu trừ tiền Bảo hiểm xã hội
Với những người đang tham gia Bảo hiểm y tế quốc gia và những người đang đóng Bảo hiểm hưu trí quốc gia, hãy chuẩn bị sẵn giấy chứng nhận đã thanh toán tiền bảo hiểm.
7. Đối với khấu trừ cho các khoản quyền góp.
Người đã đóng các khoản quyền góp hãy chuẩn bị giấy chứng nhận khấu trừ cho các khoản quyền góp
8. Đối với khấu trừ chi phí y tế
Những người đã chi trả số tiền vượt quá 100.000 yên cho chi phí y tế, hãy chuẩn bị hóa đơn chi phí y tế và lập "Bảng kê chi tiết khấu trừ chi phí y tế".
Ngoài ra, tùy vào mức thu nhập, bạn cũng có thể được khấu trừ chi phí y tế dù số tiền chi trả dưới 100.000 yên.

Số	Màn hình	Cách thao tác
1		Mở trang chủ của Tổng cục Thuế Quốc gia (https://www.nta.go.jp) Ấn vào mục Góc lập tờ khai quyết toán thuế trong phần Thủ tục kê khai Góc lập tờ khai ở đây 
2		Ấn vào “Bắt đầu lập”

3	作成のステップについて ③控除等入力 ④その他入力 ⑤送信 又は ⑤印刷 ⑥データ保存等 「次へ」ボタンが表示されていない場合は、下へスクロールしてください。 画面上部の黒丸数字がステップにあわせて、次のとおり進んでいきます。 作成開始 ①申告準備→②→③→④→⑤→⑥ 作成完了 ①→②→③→④→⑤→⑥データ保存等 次へ	Kiểm tra nội dung tại bước lập tờ khai, Ấn vào “Tiếp theo”
4	作成する申告書等の選択 Q 作成する申告書等を選択してください。 ※ 事業所得や不動産所得、雑業務に係る雑所得のある方で、当コーナーで青色申告決算書や収支内訳書を作成する方は、「決算書・収支内訳書（+所得税）」を選択し、操作を進めてください。 決算書・収支内訳書の作成後、引き続き所得税の申告書を作成することができます。 ☒ 所得税 ☐ 決算書・収支内訳書（+所得税） ☐ 消費税 ☐ 贈与税	Ấn vào “Thuế thu nhập”

5	Q 作成する年分を選択してください。 ☒ 令和7年分 ☐ 令和6年分 ☐ 令和5年分 ☐ 令和4年分 ☐ 令和3年分	Chọn năm lập tờ khai Ấn vào “Tờ khai của năm 2025”
6	提出方法等に関する質問 Q マイナンバーカードをお持ちですか。 ※ 電子証明書の有効期限切れにご注意ください。 > 電子証明書の有効期限とは ☒ はい ☐ いいえ Q ご利用のスマートフォンはマイナンバーカードの読み取りに対応していますか。 > スマートフォンの対応機種を確認する方はこちら ☒ はい ☐ いいえ	Câu hỏi về cách nộp Bạn có thẻ mã số cá nhân không Nếu có thẻ mã số cá nhân, ấn vào “Có” Nếu điện thoại thông minh của bạn có thể đọc thẻ mã số cá nhân, ấn vào “Có”. [Trường hợp nộp bản giấy] 提出方法等に関する質問 Q マイナンバーカードをお持ちですか。 ※ 電子証明書の有効期限切れにご注意ください。 > 電子証明書の有効期限とは ☐ はい ☒ いいえ Q 提出方法を選択してください。 ☐ e-Tax (ID・パスワード方式) ? ☒ 書面 ※ Nếu không có thẻ mã số cá nhân, và nộp bản giấy thì vui lòng nhập thông tin như hình bên trái.
7	※ マイナポータル連携で取得する医療費通知情報については、令和7年分は2月9日より取得できます。 ☐ 利用する ☒ 利用しない マイナポータルなどがメンテナンス中の場合、一部機能がご利用になれない場合があります。 > メンテナンス情報はこちら <input checked="" type="button"/> 次へ 戻る	Chọn xem có sử dụng liên kết với Myna Portal để lấy dữ liệu của các giấy chứng nhận, v.v. hay không. Ví dụ lần này là ấn vào “Không sử dụng” Ấn vào “Tiếp theo”

8	① 申告準備 → ② → ③ → ④ → ⑤ → ⑥ 申告書作成前の確認 マイナポータルアプリ e-Tax（マイナンバーカード方式）を利用するためには、マイナポータルアプリのインストールが必要です。 ※ インストールされていない方は、インストールした後に利用規約に同意して次へ進んでください。 マイナンバーカード方式は、マイナポータルアプリに対応している端末でのみご利用いただけます。 ＞ 対応端末はこちら App Store からダウンロード ※ e-Tax送信が完了するまでアンインストールしないでください。	Để sử dụng e-Tax (phương thức dùng thẻ mã số cá nhân), bạn cần phải cài đặt ứng dụng Myna Portal. ※ Nếu bạn chưa cài đặt ứng dụng, vui lòng cài đặt, đồng ý với điều khoản sử dụng và tiến hành bước tiếp theo.
9	マイナポータルアプリは、マイナンバーカード方式は、マイナポータルアプリに対応している端末でのみご利用いただけます。 ＞ 対応端末はこちら App Store からダウンロード ※ e-Tax送信が完了するまでアンインストールしないでください。 利用規約の確認 次のページに進むには、利用規約への同意が必要になります。 ＞ 利用規約を確認する 同意して次へ 戻る	Ấn vào “Đồng ý và tiếp theo”

10	 e-Tax（マイナンバーカード方式）を利用するためには、マイナポータルアプリのインストールが必要です。 ※ インストールされていない方は、インストールした後に利用規 確認 × e-Taxへログインする画面に遷移します。 e-Taxへログイン後、申告書の作成に必要な住所・氏名、予定納税額等の情報を表示します。 なお、初めてe-Taxを利用される方などは、e-Taxへ登録するため住所・氏名等の入力画面に遷移します。 次へ 次のページに進むには、利用規約への同意が必要になります。 > 利用規約を確認する	Chuyển đến màn hình đăng nhập e-Tax. Ấn vào “Tiếp theo”
11	 国税庁 国税電子申告・納税システム e-Taxログイン 「ログイン」ボタンをタップしてください。パスワードの入力画面が表示されますので利用者証明用パスワード（4桁）を入力してください。 ログイン 戻る 国税庁 NATIONAL TAX AGENCY	Đăng nhập e-Tax Ấn vào “Đăng nhập”

12		17:13 Safari ヘルプ パスワードの入力 利用者証明用電子証明書のパスワード Nhập mật khẩu (4 chữ số) của chứng thư điện tử dùng để xác minh người sử dụng
13		17:13 Safari パスワードの入力 ヘルプ カードの読み取り Đọc thẻ Đặt mặt lưng phía trên của điện thoại thông minh vào thẻ mã số cá nhân, sau đó nhấn nút bắt đầu đọc. ※ Trường hợp sử dụng thẻ mã số cá nhân đã được đăng ký trên iPhone hoặc sử dụng chứng thư điện tử dành cho điện thoại Android thì không cần thực hiện thao tác đọc. Ấn vào “Bắt đầu đọc”

14		Đã sẵn sàng để quét. Đặt điện thoại thông minh lên trên thẻ mã số cá nhân
15		Hãy quay lại Safari Hãy quay lại Safari và hiển thị tab đã mở trước đó. Nếu bạn đang sử dụng trình duyệt khác ngoài Safari, hãy thay thế “Safari” bằng trình duyệt bạn đang sử dụng. ※ Đối với Android, màn hình này sẽ không hiển thị và màn hình sẽ tự động chuyển đổi.

16 国税庁 確定申告書等作成コーナー 令和 7 年分 メニュー 1 申告準備 → 2 → 3 → 4 → 5 → 6 住所等の情報の確認・訂正 登録情報 本人情報 Lược bỏ trang (令和 年 月 日時点の情報) 中間納付譲渡割額 (円) - (令和 年 月 日時点の情報) 振替納税 過去年分の予定納税額等の情報の確認 訂正 次へ 戻る	※Nếu bạn sử dụng e-Tax lần đầu tiên hoặc chưa hoàn tất thiết lập ban đầu để kê khai trên e-Tax bằng thẻ mã số cá nhân, màn hình “Bắt đầu sử dụng phương thức dùng thẻ mã số cá nhân” sẽ hiển thị sau khi xác thực. Tuy nhiên, phần này xin được lược bỏ. Xác nhận và chỉnh sửa các thông tin như địa chỉ, v.v. Thông tin đăng ký Trường hợp xác nhận thông tin đăng ký và chỉnh sửa thì ấn vào “Chỉnh sửa” Trường hợp không cần phải chỉnh sửa thì ấn vào “Tiếp theo”
---	--

17	xmlデータの読込 医療費通知や寄附金控除など申告に関する電子データ（xml形式）をお持ちの方は、この画面で読み込むことができます。 ご利用の方は、ファイルを選択してデータを読み込んでください。 ※ この後の画面では読み込むことはできません。 ※ 同一の情報が含まれているxmlデータは、重複して読み込まないようにご注意ください。 ＞ 対象のxmlデータはこちら ファイルを選択する 次へ 戻る <td> Đọc dữ liệu xml Ấn vào “Tiếp theo” </td>	Đọc dữ liệu xml Ấn vào “Tiếp theo”
18	本人情報の確認 申告者本人の生年月日 必須 昭和59(1984) ▼ 5 ▼ 5 ▼ <td> Xác nhận thông tin cá nhân Xác nhận xem ngày tháng năm sinh của bạn đã được nhập chính xác hay chưa </td>	Xác nhận thông tin cá nhân Xác nhận xem ngày tháng năm sinh của bạn đã được nhập chính xác hay chưa

Thu nhập từ tiền lương

19	申告する所得の選択 申告する所得を 全て 選択してください。 > 申告する所得とは ☐ > 申告する所得がどの所得に該当するか分からない場合 ☐ 給与収入がある方、年金収入がある方、退職金を受け取った方 ☒ 給与 ※：確定申告をする場合には、年末調整を受けた給与所得も含めて申告が必要です。 ☐ 公的年金、企業年金など ☐ ※：生命保険等の個人年金を申告する方は、「雑（業務・その他）」を選択してください。 ☐ 退職金 ※：確定申告をする場合には、退職所得も含めて申告が必要です。 > 「退職所得の源泉徴収票・特別徴収票」を2枚以上お持ちの場合 ☐	※：Dưới đây là phần hướng dẫn nhập thông tin dành cho trường hợp chỉ có một phiếu khấu trừ thuế thu nhập từ tiền lương và chưa thực hiện điều chỉnh cuối năm. Lựa chọn thu nhập cần kê khai Ấn vào “Tiền lương”
20	申告する所得に関する質問 給与所得に関する質問 Q お持ちの「給与所得の源泉徴収票」は1枚のみですか？ ☒ 1枚のみ ☐ 2枚以上ある	Câu hỏi liên quan đến thu nhập từ tiền lương. Bạn chỉ có 1 phiếu khấu trừ thuế tại nguồn đúng không? Ấn vào “Chỉ có 1 phiếu”
21	Q 勤務先で年末調整が済んでいますか？ > 年末調整が済んでいるか確認する方法 ☐ ☐ 済んでいる ☒ 済んでいない	Bạn đã hoàn thành việc điều chỉnh cuối năm tại nơi làm việc chưa? Ấn vào “Chưa điều chỉnh”
22	次へ 戻る	Ấn vào “Tiếp theo”

23	選択された所得の入力 給与収入がある方、年金収入がある方、退職金を受け取った方 給与収入がある方で、「給与所得の源泉徴収票」等をお持ちの方 給与所得 > 次へ	23	Nhập thông tin thu nhập đã chọn	Ấn vào “Thu nhập từ tiền lương”
24	源泉徴収票の入力 年末調整未済の源泉徴収票を入力してください。 ＞ 源泉徴収票（年末調整済み／年末調整未済）の見分け方  源泉徴収票（年末調整未済） 入力件数：0件 / 300件 ＋ 入力する（年末調整未済）	24	Nhập phiếu khấu trừ thuế tại nguồn	Ấn vào “Nhập (Chưa điều chỉnh cuối năm)”
25	入力方法の選択 「給与所得の源泉徴収票」の入力方法を選択してください。 ☐ カメラで読み取る ☒ 直接入力する	25	Lựa chọn cách thức nhập thông tin phiếu khấu trừ thuế tại nguồn	Ấn vào “Nhập trực tiếp”

28 源泉徴収票（年末調整未済） 入力件数：1件 / 300件 1 支払者の氏名又は名称 ■■■株式会社 支払金額 2,115,560円 源泉徴収税額 89,310円 訂正 削除 ＋ 入力する（年末調整未済） ＞ 外貨建てのストックオプションなどの収入の入力例  支払金額の合計 2,115,560円 源泉徴収税額の合計 89,310円 特定支出控除の入力 ▼ 入力終了 戻る <td data-bbox="775 80 1573 1617"> Xác nhận số tiền đã nhập (Trường hợp nhập sai, ấn vào nút “Chỉnh sửa” rồi nhập lại số tiền đúng.) Nếu không có sai sót, Ấn vào “Nhập xong” </td>	Xác nhận số tiền đã nhập (Trường hợp nhập sai, ấn vào nút “Chỉnh sửa” rồi nhập lại số tiền đúng.) Nếu không có sai sót, Ấn vào “Nhập xong”
--	--

29	収入・所得の入力 計算結果 × 入力された内容を基に計算した所得金額等は、以下のとおりです。 給与所得金額 1,398,400円 閉じる	Ấn vào “Đóng”
30	選択された所得の入力 給与収入がある方、年金収入がある方、退職金を受け取った方 給与収入がある方で、「給与所得の源泉徴収票」等をお持ちの方 給与所得 ✓ 入力あり > 給与所得の金額を表示する 次へ 戻る ここまでの入力内容を保存	Ấn vào “Tiếp theo”

Khấu trừ Bảo hiểm xã hội		
31	支出に関する控除の入力 社会保険料を支払った方   国民年金保険料、国民健康保険料（税）、介護保険料などを支払った方（源泉徴収票に記載のないもの） 社会保険料控除 — > Nhap các khoản khấu trừ liên quan đến chi phí Ấn vào “Khấu trừ Bảo hiểm xã hội” Nếu không chi trả thì không ấn chọn và chuyển đến mục 39 ở trang 24.	
32	社会保険料控除の一覧  給与所得や公的年金等の所得がある方へ 源泉徴収票に記載されている社会保険料の内容は、給与所得又は公的年金等の入力画面から入力してください。 社会保険料控除の入力 入力件数：0件/4件 + 証明書等の内容を入力する 入力終了 戻る Nhap thông tin khấu trừ Bảo hiểm xã hội Ấn vào “Nhap nội dung giấy tờ chứng nhận, v.v”	

社会保険料控除の入力 1件目

支払った社会保険料の種類に応じて、控除証明書等の内容を入力してください。

社会保険料の種類

選択してください ▼

支払った保険料の額（円）

もう1件入力する

入力内容の確認

✓ 選択してください

① 国民年金保険料

② 国民年金基金の掛金

③ 健康保険料（任意継続含む）

④ 国民健康保険料（税）

⑤ 介護保険料

⑥ 後期高齢者医療保険料

⑦ 厚生年金

⑧ 厚生年金基金

⑨ その他

Chọn “Loại Bảo hiểm xã hội”

Chi tiết về các lựa chọn, vui lòng tham khảo bên dưới.

Nhập số tiền đã trả cho mỗi loại bảo hiểm vào ô trống tương ứng với từng loại trong suốt một năm.

- ① Bảo hiểm hưu trí quốc dân
- ② Phí đóng quỹ hưu trí quốc dân
- ③ Phí bảo hiểm y tế (bao gồm bảo hiểm tiếp tục tự nguyện)
- ④ Phí bảo hiểm y tế quốc dân (thuế)
- ⑤ Phí bảo hiểm chăm sóc dài hạn
- ⑥ Phí bảo hiểm y tế cho người cao tuổi
- ⑦ Bảo hiểm hưu trí phúc lợi
- ⑧ Quỹ hưu trí phúc lợi
- ⑨ Khác

33

34	社会保険料控除の入力 1件目 支払った社会保険料の種類に応じて、控除証明書等の内容を入力してください。 ✓ 選択してください 国民年金保険料 国民年金基金の掛金 健康保険料（任意継続含む） 国民健康保険料（税） 介護保険料 後期高齢者医療保険料 厚生年金 厚生年金基金 その他	Nếu bạn đã đóng phí bảo hiểm y tế quốc dân, hãy chọn mục thứ 4 từ trên xuống (mục ④) và nhập số tiền phí bảo hiểm y tế quốc dân đã đóng trong suốt một năm (từ tháng 1 đến tháng 12) vào ô trống. Nếu không đóng bảo hiểm này thì không cần nhập Sau khi nhập xong, Ấn vào “Kiểm tra nội dung đã nhập”
35	社会保険料控除の入力 1件目 支払った社会保険料の種類に応じて、控除証明書等の内容を入力してください。 ✓ 選択してください 国民年金保険料 国民年金基金の掛金 健康保険料（任意継続含む） 国民健康保険料（税） 介護保険料 後期高齢者医療保険料 厚生年金 厚生年金基金 その他	Nếu bạn đã đóng phí bảo hiểm hưu trí quốc dân, hãy chọn mục thứ 1 từ trên xuống (mục ①) và nhập số tiền phí bảo hiểm hưu trí quốc dân đã đóng trong suốt một năm (từ tháng 1 đến tháng 12) vào ô trống. Nếu không đóng bảo hiểm này thì không nhập Sau khi nhập xong, Ấn vào “Kiểm tra nội dung đã nhập”

36	社会保険料控除の入力 1件目 支払った社会保険料の種類に応じて、控除証明書等の内容を入力してください。 社会保険料の種類 選択してください 支払った保険料の額（円） もう1件入力する 入力内容の確認	(Nếu vẫn còn loại bảo hiểm xã hội khác cần nhập, ấn vào “Nhập thêm 1 loại nữa” và nhập số liệu theo cách tương tự.) Sau khi nhập xong tất cả các loại bảo hiểm, Ấn vào “Kiểm tra nội dung đã nhập”
37	国税庁 確定申告書等作成コーナー 令和 7 年分 所得税 書面提出 ①→②→③ 控除等入力 → ④→⑤→⑥ 社会保険料控除の一覧 給与所得や公的年金等の所得がある方 Lược bỏ trang 社会保険料控除の入力 入力件数：2件/4件 1 社会保険料の種類 国民健康保険料（税） 支払った保険料の額 120,000円 訂正 削除 2	Kiểm tra nội dung đã nhập, nếu phát hiện có sai sót, ấn vào mục Chính sửa và sửa lại nội dung đúng. 1 社会保険料の種類 国民健康保険料（税） Loại Bảo hiểm xã hội Phí bảo hiểm y tế quốc dân 支払った保険料の額 120,000円 Số tiền bảo hiểm đã chi trả (Số tiền tự nhập) Yên 訂正 削除 Chính sửa Xóa

Khấu trừ chi phí y tế	
39	一定額を超える医療費などを支払った方  一定額を超える医療費等を支払った方、セルフメディケーションの対象となる医薬品を購入した方 医療費控除 — > Nếu bạn đã thanh toán chi phí y tế ấn vào “Khấu trừ chi phí y tế” Nếu chưa thanh toán thì không ấn vào mà chuyển sang số 45 ở trang 29
40	国税庁 確定申告書等作成コーナー 令和 7 年分 所得税 書面提出 メニュー ① → ② → ③ 控除等入力 → ④ → ⑤ → ⑥ 適用する医療費控除の選択 「医療費控除」又は「セルフメディケーション税制」の いずれか を選択してください。 なお、両方の控除を重複して適用することはできません。 ☒ 医療費控除 ※：令和6年中に支払った医療費が、一定の金額を超える場合の控除（最高200万円） > 医療費控除の適用要件を詳しく確認する  Lược bỏ trang 次へ 戻る Chọn Khấu trừ chi phí y tế đang áp dụng Ấn vào “○Khấu trừ chi phí y tế” Ấn vào “Tiếp theo”

国税庁 確定申告書等作成コーナー 令和 7 年分 所得税 書面提出 メニュー ① → ② → ③ 控除等入力 → ④ → ⑤ → ⑥ 医療費控除の一覧 医療費通知・領収書等の入力 医療費通知（お知らせ）や領収書等をご用意の上、入力してください。 医療費控除の入力方法を確認する おむつ使用証明書などの証明書等の添付が必要な医療費がある方 医療費通知（お知らせ）の入力 Lược bỏ trang 医療費の領収書等入力 医療費通知（お知らせ）の内容以外に支払った医療費がある方は、以下の入力方法を選択のうえ、入力してください。 医療費の領収書等の入力方法を選択してください 医療費の領収書等を基に入力する 医療費集計フォームを利用する 医療費の領収書等入力 入力件数：0件/995件 医療費の領収書等を入力する	Vui lòng tham khảo nội dung bên dưới để nhập Thông báo chi phí y tế/Biên lai, v.v. Nhập Thông báo chi phí y tế / Biên lai v.v. Q Chọn phương thức nhập Biên lai chi phí y tế, v.v. Ấn vào “Nhập dựa trên biên lai chi phí y tế, v.v.” Vui lòng chuẩn bị sẵn biên lai chi phí y tế của bạn và ấn vào “+ Nhập biên lai chi phí y tế, v.v.”
--	--

① → ② → ③ 控除等入力 → ④ → ⑤ → ⑥

医療費の領収書等の入力 1件目

i 領収書等 1 枚ごとではなく、医療を受けた方・病院等ごとにまとめて入力できます。
 > [まとめて入力する方法](#)

領収書等の内容を入力してください。

医療を受けた方の氏名

※：10文字以内

国税 太郎

病院・薬局などの支払先の名称

※：20文字以内

〇〇病院

医療費の区分（複数選択可）

☐ 診療・治療

☐ 医薬品購入

☐ 介護保険サービス

☐ その他の医療費（通院費など）

A . 支払った医療費の額（円）

B . Aのうち生命保険や社会保険などで補てんされる金額（円）

※：補てんされる金額がある場合は、必ず入力してください。



Lược bỏ trang

Tham khảo thông tin bên dưới và nhập biên lai chi phí y tế, v.v.

! Thay vì nhập từng biên lai riêng lẻ, bạn có thể tổng hợp thông tin để nhập theo người tiếp nhận điều trị hoặc theo từng bệnh viện điều trị v.v.

Họ tên người được điều trị

Nhập họ tên của người được điều trị y tế.

Viết tên của bên được thanh toán như

bệnh viện, nhà thuốc, v.v.

Phân loại chi phí y tế (có thể chọn nhiều mục)

Vui lòng đánh dấu vào mục phù hợp.

医療費の区分（複数選択可）

☐ 診療・治療

☐ 医薬品購入

☐ 介護保険サービス

☐ その他の医療費（通院費など）

Phân loại chi phí y tế (có thể chọn nhiều mục)

Thăm khám, chữa trị

Mua thuốc

Dịch vụ bảo hiểm chăm sóc, điều dưỡng.

Chi phí y tế khác (như chi phí điều trị ngoại trú, v.v...)

A. Khoản chi phí y tế đã thanh toán (Yên)

Hãy điền chi phí y tế đã thanh toán

B. Khoản tiền được Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm xã hội chi trả cho các chi phí trong mục A (Yên)

Nếu có khoản tiền được Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm xã hội chi trả cho các chi phí trong mục A thì nhập vào.

42

	もう1件入力する 入力内容の確認	→ “Nhập thêm 1 mục nữa” Nếu muốn nhập thêm 1 người tiếp nhận điều trị hoặc 1 bệnh viện nữa, hãy ấn vào “Nhập thêm 1 mục nữa”. → Sau khi nhập xong, ấn vào “Kiểm tra nội dung đã nhập”.
43	医療費の領収書等入力 入力件数：2件/995件 医療費の領収書等の入力内容を表示する 1 医療を受けた方の氏名 Name 病院・薬局などの支払先の名称 〇〇病院 医療費の区分 診療・治療 支払った医療費の額 150,000円 補てんされる金額 — 訂正 削除 2 医療を受けた方の氏名 医療費の合計 200,000円 補てんされる金額の合計 — 入力終了 戻る	Tham khảo thông tin bên dưới và kiểm tra lại nội dung đã nhập. → Họ tên người được điều trị y tế → Tên cơ sở được chi trả như bệnh viện/nhà thuốc v.v → Phân loại chi phí y tế → Số tiền đã chi trả Trường hợp muốn chỉnh sửa nội dung đã nhập, ấn vào → “Chỉnh sửa” tại biên lai cần chỉnh sửa Trường hợp không cần chỉnh sửa, Ấn vào “Nhập xong”

44		Kiểm tra kết quả tính toán, và ấn vào “Đóng”
----	--	--

寄附金受領証明書等の入力 1件目

寄附金受領証明書等を1件ずつ入力してください。

なお、同じ種類の寄附金については、まとめて入力することができますので、入力方法を確認してください。

> まとめて入力する方法 ☐

寄附年月日

令和7(2025)

月

日

寄附金の種類

選択してください

> 寄附金の種類が分からない場合 ☐

寄附金の金額 (円)

寄附先の所在地

※：28文字以内

〇〇市△△町X-X

寄附先の名称

※：28文字以内

〇〇市

別の寄附先を入力する

同じ寄附先を入力する

入力内容の確認

戻る

→ 入力 “Ngày tháng năm quyên góp”

→ Lựa chọn “Loại hình quyên góp”

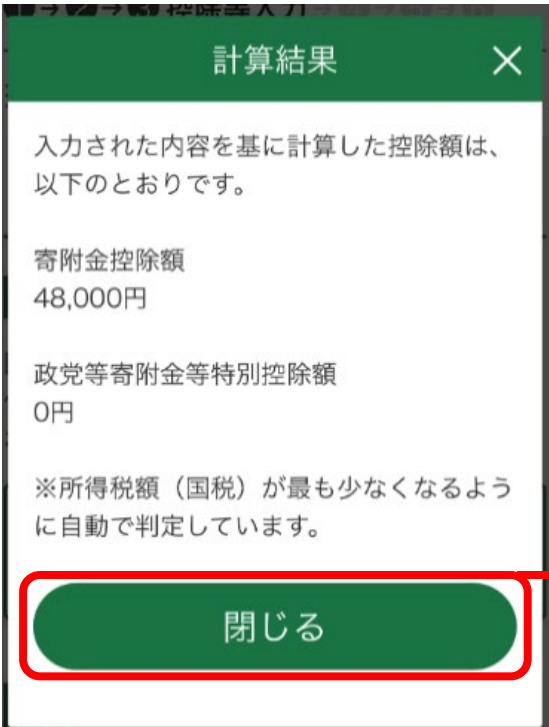
→ Nhập “Số tiền quyên góp đã chi” theo từng loại chứng từ chứng minh.

→ Nhập “Địa chỉ bên nhận khoản quyên góp”
※ Tối đa 28 ký tự kiểu chữ khổ rộng (Zenkaku)

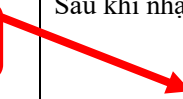
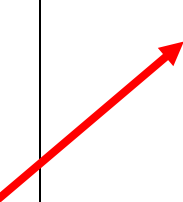
→ Nhập “Tên bên nhận quyên góp”
※ Tối đa 28 kiểu chữ khổ rộng (Zenkaku)

Số	Màn hình	Cách thao tác
48	市区町村に対する寄附金 ① (ふるさと納税など) 都道府県に対する寄附金 ② (ふるさと納税など) 国に対する寄附金 ③ 日本赤十字社に対する寄附金 ④ 共同募金会に対する寄附金 ⑤ 政党又は政治資金団体に対する寄附金 ⑥ 認定NPO法人等に対する寄附金 ⑦ 公益財団法人、公益社団法人又は学校法人等に対する寄附金 ⑧ 上記以外の寄附金控除に該当する寄附金 ⑨	① Khoản quyền góp cho thành phố, quận, thị trấn (Thuế quê hương, v.v) ② Khoản quyền góp cho tỉnh thành (Thuế quê hương, v.v) ③ Khoản quyền góp cho quốc gia ④ Khoản quyền góp cho Hội Chữ thập đỏ Nhật Bản ⑤ Khoản quyền góp cho quỹ Cộng đồng quyền góp chung ⑥ Khoản quyền góp cho các đảng phái và nhóm tài trợ chính trị ⑦ Khoản quyền góp cho các tổ chức phi lợi nhuận ⑧ Khoản quyền góp cho các hiệp hội hợp nhất vì lợi ích công cộng hoặc các quỹ hợp nhất vì lợi ích công cộng ⑨ Các khoản quyền góp được khấu trừ không thuộc các nội dung trên.
49	別の寄附先を入力する 同じ寄附先を入力する 入力内容の確認 戻る	(Nếu bạn có khoản quyền góp khác cần nhập, ấn vào 別の寄附先を入力する Nhập thêm một bên nhận quyền góp khác 同じ寄附先を入力する Nhập khoản quyền góp khác có cùng một bên nhận và nhập chữ số theo cách thức tương tự.) Sau khi nhập hết thông tin của các bên nhận khoản quyền góp, 入力内容の確認 ấn vào Kiểm tra nội dung đã nhập

Số	Màn hình	Cách thao tác
50	寄附金受領証明書等の入力 入力件数：1件 / 150件 1 寄附先の名称 千代田区 寄附年月日 令和7年5月5日 寄附金の種類 市区町村に対する寄附金（ふるさと納税など） 寄附金の金額 50,000円 訂正 削除 ＋ 証明書等の内容を入力する 寄附金の合計 50,000円 特定新規中小会社が発行した株式を取得した場合の課税の特例（エンジェル税制）の適用 ✓ を受ける方はこちら 入力終了 戻る	(Trường hợp cần chỉnh sửa nội dung đã nhập, → ấn vào “Chỉnh sửa” Kiểm tra nội dung đã nhập, nếu không có sai sót, → ấn vào “Nhập xong”

51	 計算結果 入力された内容を基に計算した控除額は、以下のとおりです。 寄附金控除額 48,000円 政党等寄附金等特別控除額 0円 ※所得税額（国税）が最も少なくなるように自動で判定しています。 閉じる	Kiểm tra kết quả tính toán ấn vào “Đóng”
----	--	---

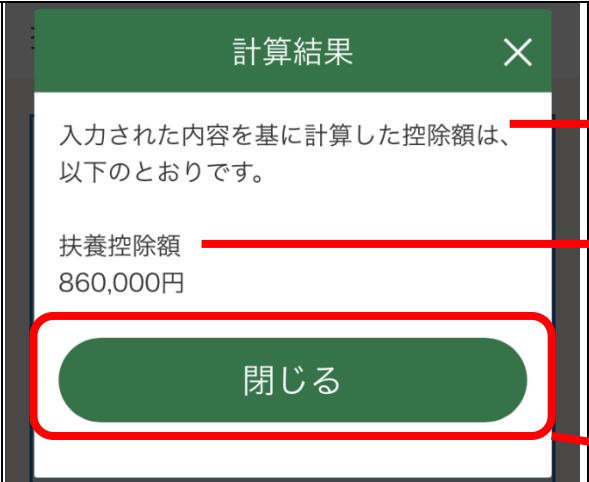
Khấu trừ cho vợ chồng (Đặc biệt)		
52	親族に関する控除の入力 生計を一にする配偶者がいる方   申告者本人と生計を一にする配偶者がいる方 配偶者（特別）控除 >	Trường hợp bạn đang nuôi vợ hoặc chồng, ấn vào “Khấu trừ cho vợ/chồng (Đặc biệt)” Nếu không có vợ hoặc chồng phụ thuộc thì không ấn chọn mà chuyển đến mục 57 ở trang 36 ※ Nếu vợ hoặc chồng có thu nhập, bạn có thể không được khấu trừ tùy vào số tiền thu nhập đó.
53	配偶者の基本情報 配偶者の氏名 ※：10文字以内 国税 花子 配偶者の生年月日 年 ▼ 月 ▼ 日 ▼	Thông tin của vợ/chồng Nhập “Họ tên của vợ/chồng” ※Tối đa 10 ký tự Nhập “Ngày tháng năm sinh của vợ/chồng”  Những trường hợp vợ/chồng không đủ điều kiện được khấu trừ ・ Vợ/chồng là người được trả lương với tư cách là nhân viên toàn thời gian của công ty có giấy báo thuế màu xanh. ・ Vợ/chồng là nhân viên toàn thời gian của công ty có giấy báo thuế màu trắng. ・ Vợ/chồng là người đủ điều kiện được khấu trừ người phụ thuộc hoặc khấu trừ người khuyết tật của một người nộp thuế khác
54	その他の情報 配偶者の障害者の該当 > 障害者の区分が分からない場合  障害者の区分を選択してください 国外居住親族の該当 > 国外居住親族とは  ☒ 配偶者が国外居住親族である Q 上記配偶者について、年末調整で配偶者（特別）控除又は障害者控除の適用を受けていますか？ 受けている 受けていない	Nếu vợ/chồng bạn là người khuyết tật, hãy chọn phân loại Người khuyết tật 障害者の区分を選択してください 障害者の区分を選択してください ✓ 障害者の区分を選択してください 同居特別障害者 同居以外の特別障害者 上記以外の障害者 ☐ 配偶者と別居している ✓Hãy chọn phân loại Người khuyết tật. Người khuyết tật đặc biệt cùng chung sống. Người khuyết tật đặc biệt không phải là người cùng chung sống. Người khuyết tật ngoài những đối tượng kể trên Nếu vợ/chồng bạn đang cư trú ở nước ngoài, vui lòng đánh dấu tick vào ô này. Người vợ/chồng mà bạn vừa kê khai đã được khấu trừ vợ/chồng (đặc biệt) hoặc khấu trừ người khuyết tật trong đợt điều chỉnh thuế cuối năm chưa? Ấn vào Chưa

55		Sau khi nhập xong,  Ấn vào “Nhập xong”
56		Kiểm tra kết quả tính toán  Ấn vào “Đóng”

Số	Màn hình	Cách thao tác
60	扶養親族等の基本情報等 扶養親族等の基本情報 扶養親族等の氏名 ※：10文字以内 国税 一郎 続柄 母 Lược bỏ trang 生年月日 昭和24(1949) 4 4 Lược bỏ trang その他の情報 障害者の該当 > 障害者の区分が分からない場合 ☐ 障害者の区分を選択してください	Thông tin cá nhân của người thân phụ thuộc Nhập họ tên của người phụ thuộc. Hãy chọn mối quan hệ với người thân phụ thuộc từ danh sách tùy chọn sau. 続柄 選択してください ✓ 選択してください ① 子 ② 父 ③ 母 ④ 祖父 ⑤ 祖母 ⑥ 孫 ⑦ 親族以外 ⑧ 他の親族 ① Con ② Bố ③ Mẹ ④ Ông ⑤ Bà ⑥ Cháu ⑦ Không phải người thân ⑧ Người thân khác Nhập ngày tháng năm sinh của người thân phụ thuộc. Nếu người thân phụ thuộc là người khuyết tật, vui lòng lựa chọn phân loại người khuyết tật từ danh sách sau: 障害者の区分を選択してください ✓ 障害者の区分を選択してください 同居特別障害者 同居以外の特別障害者 上記以外の障害者 ✓Hãy chọn phân loại Người khuyết tật. Người khuyết tật đặc biệt cùng chung sống. Người khuyết tật đặc biệt không phải là người cùng chung sống. Người khuyết tật ngoài những đối tượng kể trên

Số	Màn hình	Cách thao tác
61	国外居住親族の該当 > 国外居住親族とは ☐ ☒ 扶養親族等が国外居住親族である Q 上記扶養親族等について、年末調整において扶養控除、特定親族特別控除又は障害者控除の適用を受けていますか？ 受けている <input checked="" type="button" value="受けていない"/> i 国外居住親族について、年末調整で上記控除の適用を受けていない場合、確定申告において一定の添付資料が必要となります。 > 必要となる添付書類を確認する ☐ もう1人入力する <input checked="" type="button" value="入力内容の確認"/> 戻る	Nếu người thân phụ thuộc đang cư trú ở nước ngoài, vui lòng đánh dấu tick vào ô này. Người thân phụ thuộc đã được khấu trừ người phụ thuộc hoặc khấu trừ người khuyết tật trong điều chỉnh cuối năm chưa? (Rồi) (Chưa) 受けている <input checked="" type="button" value="受けていない"/> Sau khi nhập xong tất cả các nội dung, ấn vào “Kiểm tra nội dung đã nhập”.

Số	Màn hình	Cách thao tác
62	①→②→③ 控除等入力 → ④→⑤→⑥ 扶養親族等の一覧 扶養親族等の入力 入力人数：1人 / 12人 ※：16歳以上6人、16歳未満6人まで入力可能 扶養親族等の入力内容 1 扶養親族等の氏名 — (母) 生年月日 ※：令和8年1月1日時点の年齢を表示しています。 昭和24年4月4日 (76歳) 扶養控除額 480,000円 特定親族特別控除額 — 障害者控除額 — 訂正 削除 ~~~~~ Lược bỏ trang 十 扶養親族等を入力する 扶養控除額の合計 860,000円 特定親族特別控除額の合計 — 扶養親族に係る障害者控除額の合計 — 入力終了	Tham khảo thông tin bên dưới và kiểm tra nội dung đã nhập. Kiểm tra số người đã nhập xem đã đúng chưa. → Số người đã nhập: (Số người đã nhập) người/12 người Kiểm tra nội dung đã nhập xem đã đúng chưa. → Nội dung đã nhập về người thân phụ thuộc → Họ tên người thân phụ thuộc → Ngày tháng năm sinh → Số tiền được khấu trừ (Số tiền này sẽ được tính toán tự động nên không cần chỉnh sửa) → Nếu phát hiện có sai sót, ấn vào đây và tiến hành chỉnh sửa nội dung đã nhập. → Nếu muốn thêm người thân phụ thuộc, ấn vào đây để nhập thêm. → Sau khi nhập xong, ấn vào đây.

63		Tham khảo nội dung bên dưới để kiểm tra kết quả tính toán. Hiện thị số tiền thuế hoàn lại được tính toán dựa trên các nội dung đã nhập. Số tiền được khấu trừ (Hiện thị số tiền được khấu trừ dựa trên thông tin đã nhập) Sau khi kiểm tra, ấn vào “Đóng”
----	--	---

通知方法の選択

還付金の振込通知や予定納税額の通知がある場合、書面に代えてe-Taxで受け取ることが出来ます。

書面で受け取る場合と同様の内容をe-Taxの通知書等一覧に格納いたします。

> e-Taxで受け取るメリットはこちらです ☐

> 電子交付を希望する場合の留意事項 ☐

Q e-Taxによる電子交付 か 郵送等による書面交付 のどちらを希望しますか？ **必須** ☐

電子交付

書面交付

通知を希望する項目を選択してください。

☒ 還付金の振込通知

☒ 予定納税額の通知

次へ

戻る

Chọn Phương thức thông báo

※ Màn hình này chỉ hiển thị nếu bạn đã chọn e-Tax (Phương thức dùng thẻ mã số cá nhân). Nếu không có thẻ mã số cá nhân (và đã chọn nộp bản giấy), vui lòng chuyển sang trang tiếp theo.

Nếu bạn nhận được thông báo chuyển khoản hoàn tiền hoặc thông báo thanh toán thuế ước tính, bạn có thể nhận được qua e-Tax thay vì bằng giấy.

Nội dung tương tự như khi bạn nhận được bằng giấy sẽ được lưu trữ trong danh sách thông báo e-Tax.

Q Bạn muốn nhận hóa đơn điện tử qua e-Tax hay nhận bản giấy qua đường bưu điện? **Bắt buộc**

(Hóa đơn điện tử (qua e-Tax)) (Bản giấy (qua bưu điện))

電子交付

書面交付

Sau khi nhập xong, ấn vào đây.

67

国税庁 確定申告書等作成コーナー

令和 7 年分 所得税

書面提出

メニュー

① → ② → ③ → ④ その他入力 → ⑤ → ⑥

財産債務調書、住民税等に関する事項

財産債務調書の作成

財産債務調書の提出要件の確認

令和7年12月31日においてその価額の合計額が10億円以上の財産を有する方は、令和8年6月30日（火）までに、財産債務調書を提出する必要があります。

提出義務者に該当する方は、チェックをしてください。

> 財産債務調書の提出要件の詳細

☐ 12月31日において合計額が10億円以上の財産を保有している

※：別途提出する場合、入力を省略することができます。

i 確定申告書を提出する場合、改めて住民税の申告書を提出する必要はありません。

ただし、以下の事項については、所得税と住民税で取扱いが異なるため、該当があるものを選択して入力してください。

住民税に関する事項の選択・入力

16歳未満の扶養親族がいる場合

平成22年1月2日以後に生まれた方が該当します。

☐ 16歳未満の扶養親族に関する入力を行う

Tham khảo nội dung dưới đây và nhập thông tin.

Xác nhận yêu cầu nộp bảng kê tài sản và nợ

Những người sở hữu tài sản có tổng giá trị từ 1 tỷ yên trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 cần phải nộp bảng kê tài sản và nợ muộn nhất là ngày 30 tháng 6 năm 2026 (thứ Ba). Những người có nghĩa vụ nộp bảng kê này vui lòng đánh dấu tick vào ô bên dưới.

☐ Sở hữu tài sản có tổng giá trị từ 10 tỷ yên trở lên tính đến ngày 31 tháng 12.

① Khi nộp tờ khai thuế quyết toán, không cần phải nộp lại tờ khai thuế thị dân. Tuy nhiên, do cách xử lý giữa thuế thu nhập và thuế thị dân là khác nhau đối với các vấn đề dưới đây, vui lòng chọn và nhập thông tin vào các mục có liên quan.

Trường hợp có người thân phụ thuộc dưới 16 tuổi

Áp dụng đối với những người sinh từ ngày 2 tháng 1 năm 2010 trở đi.

Nếu bạn có người thân phụ thuộc dưới 16 tuổi, hãy tick vào đây.

退職所得のある配偶者・親族等がいる場合 退職所得については、源泉徴収されたものに限ります。 ☐ 退職所得のある配偶者・親族等に関する入力を行う	Trường hợp có vợ/chồng hoặc người thân có thu nhập hưu trí Thu nhập hưu trí chỉ áp dụng đối với phần đã bị khấu trừ thuế tại nguồn. Nếu bạn có vợ/chồng hoặc người thân có thu nhập hưu trí, vui lòng tick vào đây.
別居の配偶者・親族がいる場合 ☐ 別居の配偶者・親族に関する入力を行う	Trường hợp vợ/chồng hoặc người thân sống riêng. Nếu bạn có vợ/chồng hoặc người thân sống riêng, vui lòng tick vào đây.
所得税で確定申告不要制度を選択した非上場株式の少額配当等がある場合  ☐ 非上場株式の少額配当等の入力を行う	Trường hợp có cổ tức nhỏ từ cổ phiếu không niêm yết và đã chọn chế độ không cần nộp tờ khai thuế thu nhập. Nếu bạn phù hợp với điều kiện nêu trên, vui lòng tick vào đây.
次へ 戻る	Sau khi kiểm tra lại, ấn vào đây.

Nhập các thông tin cơ bản	
68	国税庁 確定申告書等作成コーナー 令和 7 年分 所得税 書面提出 メニュー ① → ② → ③ → ④ その他入力 → ⑤ → ⑥ 基本情報の入力 氏名・電話番号の入力 氏名（フリガナ） ※：各11文字以内（合計12文字以内） コクゼイ タロウ 氏名（漢字） ※：各10文字以内 国税 太郎 電話番号 ※：日中連絡が取れる電話番号を入力してください。 区分 ▼ 090 1234 5678 住所の入力 現在の住所の入力 納税地の区分 必須 ? ⓘ ☒ 住所地 ☐ 事業所等 郵便番号 1234567 郵便番号から住所入力 Tham khảo nội dung bên dưới và nhập thông tin. Hãy nhập tên theo thứ tự họ và tên bằng chữ Katakana. Nhập số điện thoại có thể liên lạc được trong giờ hành chính. Đánh dấu tick vào ô này. Nhập mã bưu chính của bạn chỉ bằng số. Khi bạn ấn vào nút này, một phần địa chỉ và cơ quan quản lý thuế sẽ được điền tự động.

都道府県・市区町村 都道府県 市区町村 丁目番地等 ※：都道府県・市区町村と合計で28文字以内 〇〇町1-1-1 建物名・号室 ※：28文字以内（制限文字数を超える場合、マンション名を省略するなどして字数を調整してください。） 〇〇マンション101号室 提出先税務署   都道府県 税務署 令和8年1月1日の住所の入力 令和8年1月1日の住所 上記で入力した住所と異なる場合は、「住所が上記と異なる」にチェックを付けてください。 ☐ 住所が上記と異なる	→ 入力 tên tỉnh/thành phố ở dòng trên, và tên quận/huyện, thị xã ở dòng dưới. → Ghi rõ số nhà, khu phố, và các thông tin khác về nơi bạn sinh sống. → Ghi tên tòa nhà và số phòng nơi bạn sinh sống. → Nhập tên cơ quan quản lý thuế. → Nhập địa chỉ tại thời điểm ngày 1 tháng 1 năm 2026 → Nếu địa chỉ tại thời điểm ngày 1 tháng 1 năm 2026 khác với địa chỉ đã nhập ở trên, vui lòng đánh dấu tick vào ô này.
---	---

その他の項目の入力

職業  

※：個人事業主の方は、事業の内容を具体的に入力してください（青果小売業、自動車板金塗装業など）。

※：11文字以内

会社員、〇〇業など

屋号・雅号

※：事業に係る屋号や雅号がある場合は入力してください。

※：30文字以内

国税商店

世帯主の氏名（漢字）

ご自身が世帯主

※：10文字以内

国税 太郎

世帯主からみた続柄

選択してください ▼



Lược bỏ trang

次へ

戻る

→ Nhập nghề nghiệp của bạn.

→ Nếu bạn là chủ hộ gia đình, hãy ấn vào đây.

→ Sau khi nhập xong, ấn vào đây.

69

国税庁 確定申告書等作成コーナー

令和 7 年分 所得税 書面提出

メニュー

①→②→③→④ その他入力 →⑤→⑥

マイナンバーの入力

1人目

氏名

ー (本人)

生年月日

昭和60年5月5日

マイナンバー (個人番号)

※: 数字12桁

Lược bỏ trang

次へ

戻る

→ Ấn vào đây.

Nếu chọn e-Tax (Phương thức dùng thẻ mã số cá nhân), vui lòng chuyển đến mục số 70 ở trang tiếp theo.

Nếu không có thẻ mã số cá nhân (nếu bạn chọn nộp bản giấy), vui lòng chuyển đến mục số 72 ở trang 56.

確認手順

1. 「申告書等を表示する」ボタンを押してください。
2. ダウンロードしたPDFファイルを「Adobe Acrobat Reader」で表示してください。
3. 表示されたPDFファイルの内容に誤りがないか確認してください。

＞提出が必要な添付書類の確認方法（「申告書等送信票（兼送付書）」の見方）

申告書等を表示する

申告内容を訂正する場合

[illegible]

次へ

戻る

1. Ấn vào nút “Hiển thị tờ khai, v.v.”
2. Mở tệp PDF đã tải xuống bằng “Adobe Acrobat Reader”.
3. Kiểm tra để đảm bảo nội dung trong tệp PDF đã mở không có sai sót.

▶ Ấn vào “**Hiện thị tờ khai, v.v.**”.

Màn hình xác nhận tờ khai sẽ được hiển thị, vì vậy hãy kiểm tra xem nội dung có sai sót hay không.

Sau khi kiểm tra, ấn vào đây.

その他の事項の入力等

税理士に関する内容の入力

税理士に関する内容を入力する



登記情報の入力

登記事項証明書の添付に代えて照会番号を送信する



次へ

戻る

① → ② → ③ → ④ → ⑤ 送信 → ⑥

データの送信

e-Tax送信

所得税の確定申告書データを送信しますので、「送信する」ボタンをタップしてください。その後、確認画面が表示されますので、「送信を実行する」ボタンをタップすると、所得税の確定申告書データが送信されます。

送信する

送信準備へ戻る

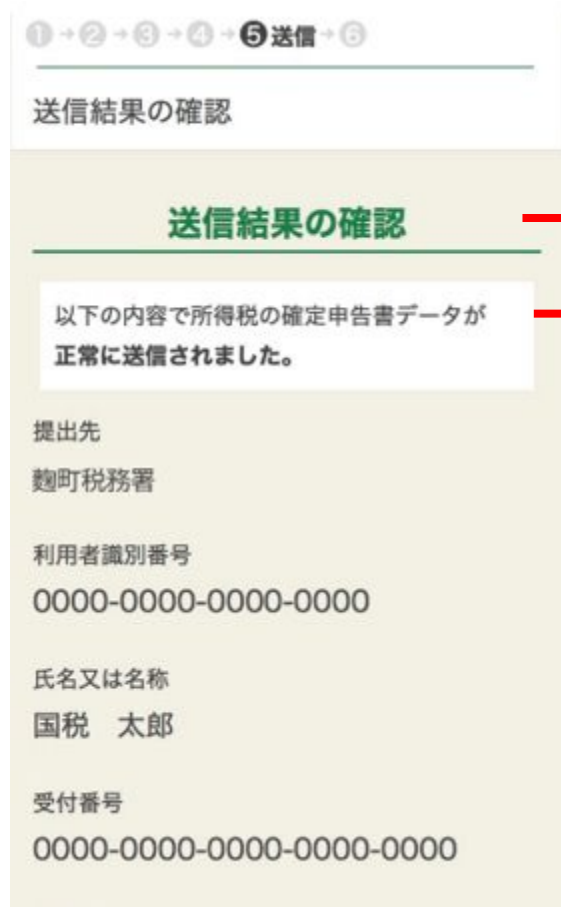
へ ページトップ

→ Ấn vào đây.

→ Ấn vào đây



→ Ấn vào “Đóng”



→ Kiểm tra kết quả gửi đi

→ Dữ liệu tờ khai quyết toán thuế thu nhập đã được gửi thành công với nội dung như sau.

71

1. 「申告書等を表示する」ボタンを押してください。
2. 表示されたPDFファイルで、「共有」ボタンから「ファイル」に保存」を押し、「iCloud Drive」などの保存先を指定して保存してください。
3. 保存先から保存したPDFファイルを表示して印刷方法を選択の上、印刷してください。
4. 次の画面で送信・印刷後の確認を行ってください。

> 提出が必要な添付書類の確認方法（「申告書等送信票（兼送付書）」の見方）

申告書等を表示する

※：PDFファイルが表示されない場合は、タブボタンを押して別の画面に表示されていないか確認してください。

> 申告内容の訂正方法

次へ

①→②→③→④→⑤→⑥ データ保存等

送信後の作業のご案内

i これで申告書等の送信は完了しました。
最後に、送信後の作業について確認してください。

送信後の作業

入力内容の保存

入力した内容を作成コーナー専用データ（data形式）として保存します。
保存した入力データは、翌年以降に申告書等を作成する場合に利用できます。

入力データのダウンロードページへ

添付書類の準備

1. Nhấn vào nút “Hiển thị tờ khai, v.v.”
2. Trong tệp PDF đã mở, ấn vào nút “Chia sẻ”, sau đó là "Lưu vào tệp" để lưu vào một nơi chỉ định như “iCloud Drive”.
3. Mở tệp PDF đã lưu từ vị trí lưu trữ, chọn phương thức in và tiến hành in.
4. Ở màn hình tiếp theo, thực hiện xác nhận sau khi gửi và in.

Ấn vào “Hiển thị tờ khai, v.v.”

Ấn vào đây sau khi bạn đã lưu tờ khai, v.v.

**Việc in tờ khai, v.v. đã hoàn tất.
Cuối cùng, vui lòng kiểm tra các công việc sau khi gửi.**

Nội dung đã nhập sẽ được lưu dưới dạng dữ liệu chuyên dụng của mục tạo hồ sơ (định dạng .data).
Dữ liệu nhập vào đã lưu có thể được sử dụng khi tạo tờ khai, v.v. trong những năm sau.

入力データのダウンロードページへ

申告書等・添付書類の提出

受付期間

令和8年2月16日（月）から令和8年3月16日（月）

ただし、還付申告書は令和8年1月から提出可能です。

※：郵便又は信書便で送付する方は、通信日付が令和8年3月16日（月）以前になるように送付してください。

Lược bỏ trang

終了（トップ画面へ戻る）

戻る

Nộp tờ khai, giấy tờ đính kèm

Thời gian tiếp nhận

Từ ngày 16 tháng 2 năm 2026 (thứ Hai) đến ngày 16 tháng 3 năm 2026 (thứ Hai).

Tuy nhiên, đơn xin hoàn tiền có thể được nộp bắt đầu từ tháng 1 năm 2026.

※ Nếu bạn nộp qua đường bưu điện hoặc dịch vụ thư tín, vui lòng gửi đi sao cho ngày gửi đi không muộn hơn ngày 16 tháng 3 năm 2026 (thứ Hai).

Sau khi xác nhận, hãy ấn vào đây. Bạn sẽ quay lại màn hình chính.

Nơi nộp giấy tờ đính kèm



Giấy xác nhận hình thức cư trú, v.v. Giấy tờ đính kèm

Cho vào phong bì

Nơi nộp tờ khai quyết toán và giấy tờ đính kèm

Vui lòng nộp tờ khai quyết toán thuế và các giấy tờ đính kèm cho Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Với một số Cơ quan thuế, Trung tâm xử lý hồ sơ khai thuế sẽ là nơi tiếp nhận hồ sơ quyết toán thuế, v.v. gửi qua đường bưu điện.

Về thông tin địa chỉ của các Cơ quan thuế có thẩm quyền hoặc Trung tâm xử lý hồ sơ khai thuế, vui lòng tham khảo trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế Quốc gia.

(<https://www.nta.go.jp/about/organization/access/map.htm#map>)

72

国税庁 確定申告書等作成コーナー

令和 7 年分 所得税

書面提出

メニュー

①→②→③→④ その他入力→⑤→⑥

マイナンバーの入力

1人目

氏名

ー (本人)

生年月日

昭和44年5月5日

マイナンバー (個人番号)

※: 数字12桁



Lược bỏ trang

次へ

戻る

Ấn vào đây

警告



マイナンバーの入力がありません。
法律により申告書等にはマイナンバーの記載が義務付けられていますので、マイナンバーを入力する場合は「入力する」を押して、マイナンバーを入力してください。



Lược bỏ trang

せす進む」を押してください。
(SSAC040-SHW008)

入力する

入力せず進む

Nếu có mã số cá nhân thì

ấn vào “Không nhập mà đi tiếp”.

① → ② → ③ → ④ → ⑤ 印刷 → ⑥

申告書等の印刷

申告書等を表示・印刷してください。
なお、印刷した申告書等は郵送等で提出する必要があります。

印刷に当たっての留意事項

- A4サイズの普通紙を使用して、カラー又は白黒で片面印刷してください。
- プリンタをお持ちでない場合は、プリントサービス（有料）を利用して申告書等を印刷することもできます。

＞ コンビニプリントのご案内 ☐

印刷手順

1. 「申告書等を表示・印刷する」ボタンを押してください。
2. 表示されたPDFファイルで「共有」ボタンから「ファイル」に保存を押して、「iCloud Drive」などの保存先を指定して保存してください。
＞ 保存方法を動画で確認する方はこちら ☐
3. 保存先から保存したPDFファイルを表示して印刷方法を選択の上、印刷してください。

申告書等を表示・印刷する

※：PDFファイルが表示されない場合は、タブボタンを押して別の画面に表示されていないか確認してください。

次へ

戻る

Tham khảo hướng dẫn bên dưới để in mẫu đơn đăng ký.

In tờ khai thuế và các tài liệu liên quan

Hiện thị/in tờ khai thuế và các tài liệu liên quan.

Xin lưu ý rằng bản in tờ khai thuế và các tài liệu liên quan phải được gửi qua đường bưu điện.

Những điều cần lưu ý khi in

- Sử dụng giấy A4 thông thường, in một mặt, có thể in màu hoặc in trắng đen.
- Nếu không có máy in, bạn cũng có thể sử dụng dịch vụ in ấn bên ngoài (mất phí) để in tờ khai thuế và các tài liệu liên quan.

Hướng dẫn in

1. Nhấn nút "Hiện thị và in tờ khai thuế".
2. Trong tệp PDF được hiển thị, nhấn nút "Chia sẻ" và chọn "Lưu vào Tệp", sau đó chỉ định nơi lưu trữ như "iCloud Drive" v.v và lưu tệp.
3. Mở tệp PDF đã lưu từ nơi lưu trữ và chọn cách thức in, sau đó tiến hành in.

Sau khi kiểm tra các nội dung bên trên, nhấn vào nút bên dưới, tiến hành lưu trữ hoặc in.

Hiện thị/in tờ khai thuế

申告書等を表示・印刷する

Sau khi lưu tờ khai thuế, hãy ấn vào đây.

Hướng dẫn các công việc sau khi in

74

国税庁 確定申告書等作成コーナー
令和 7 年分 所得税 書面提出 メニュー

①→②→③→④→⑤→⑥ データ保存等

印刷後の作業のご案内

i これで申告書等の印刷は完了しました。
最後に、印刷後の作業について確認してください。

印刷後の作業



Lược bỏ trang

入力内容の保存

入力した内容を作成コーナー専用データ（.data形式）として保存します。
保存した入力データは、申告内容を修正する場合や、翌年以降に申告書等を作成する場合に利用できます。

[入力データのダウンロードページへ](#)



Lược bỏ trang

申告書等・添付書類の提出

受付期間

令和8年2月16日（月）から令和8年3月16日（月）

ただし、還付申告書は令和8年1月から提出可能です。

※：郵便又は信書便で送付する方は、通信日付が令和8年3月16日（月）以前になるように送付してください。

Hoàn tất việc tạo tờ khai thuế quyết toán dựa trên các hướng dẫn dưới đây.

⌚ Việc in tờ khai thuế đã hoàn tất.

Cuối cùng, hãy kiểm tra các công việc sau khi in.

Lưu các nội dung đã nhập dưới dạng dữ liệu chuyên dụng cho khu vực tạo tờ khai (định dạng .data).

Dữ liệu đã lưu có thể được sử dụng khi tạo tờ khai thuế vào các năm sau.

Nếu bạn cần lưu, vui lòng nhấn vào đây. Bạn sẽ được chuyển đến trang tải dữ liệu đã nhập.

[入力データのダウンロードページへ](#)

Thời gian tiếp nhận tờ khai thuế

Từ ngày 16 tháng 2 năm 2026 (thứ Hai) đến ngày 16 tháng 3 năm 2026 (thứ Hai).

Tuy nhiên, tờ khai hoàn thuế có thể được nộp từ tháng 1 năm 2026.

※ Đối với những người gửi qua bưu điện hoặc dịch vụ thư tín, vui lòng gửi trước ngày 16 tháng 3 năm 2026 (thứ Hai) để đảm bảo ngày gửi theo ghi nhận trên thư.

終了（トップ画面へ戻る）

戻る

Sau khi xác nhận, hãy ấn vào đây. Bạn sẽ quay trở lại màn hình trên cùng.

Các hạng mục cần điền vào tờ khai quyết toán thuế

税務署長

F A 2 2 0 5

令和 年 月 日 令和 0 7 年分の所得税及び復興特別所得税の確定申告書

納税地	—	個人番号 (マイナンバー)	生年月日	3	6	0	0	5	0	5
現在の住所又は居所 事業所等	Địa chỉ của bạn				フリガナ	氏名				
令和 8 年 1 月 1 日の住所	同上				職業	屋号・雅号		世帯主の氏名		世帯主との続柄
種類					特異の表示		整理番号	電話番号	Số điện thoại	

収入金額等	事業等	区分	⑦	
	業	区分	①	
	不動産	区分1		
	配当	区分	⑤	
	給与	区分	④	2 1 1 5 5 6 0
	公的年金等	区分	⑥	
	雑業務	区分	⑧	
	その他	区分	⑨	
	総合譲渡	短期	⑦	
	長期	⑧		
一時	⑨			
所得金額等	事業等	①		
	業	②		
	不動産	③		
	利子	④		
	配当	⑤		
	給与	区分	⑥	1 3 9 8 4 0 0
	公的年金等	⑦		
	雑業務	⑧		
	その他	⑨		
	⑦から⑨までの計	⑩		
総合譲渡・一時	⑪			
合計	⑫	1 3 9 8 4 0 0		
所得から差し引かれる金額	社会保険料控除	⑬	2 1 0 0 0 0	
	小規模企業共済等掛金控除	⑭		
	生命保険料控除	⑮		
	地震保険料控除	⑯		
	医療、ひとり親控除	区分	⑰～⑱	0 0 0 0
	勤労学生・障害者控除	区分	⑲～⑳	0 0 0 0
	扶養控除	区分	㉑	3 8 0 0 0 0
	基礎控除	区分	㉒	8 6 0 0 0 0
	特定基礎控除	区分	㉓	0 0 0 0
	基礎控除	⑮	8 8 0 0 0 0	
⑬から㉓までの計	⑮	2 3 3 0 0 0 0		
雑損控除	医療費控除	区分	㉔	1 3 0 0 8 0
	寄附金控除	⑮	4 8 0 0 0	
	合計	㉕	2 5 0 8 0 8 0	
	課税される所得金額	㉖	0 0 0	
	配当控除	㉗	0	
	配当控除	㉘		
	配当控除	㉙	0 0	
	配当控除	㉚	0 0	
	配当控除	㉛	0	
	配当控除	㉜	0	
復興特別所得税額	㉝	0		
所得税及び復興特別所得税の額	㉞	0		
外国税額控除等	㉟			
源泉徴収税額	㊱	8 9 3 1 0		
申告納税額	㊲	- 8 9 3 1 0		
予定納税額	㊳			
第3期分の税額	㊴	0 0		
修正申告	㊵	8 9 3 1 0		
修正前の第3期分の税額	㊶			
第3期分の税額の増加額	㊷	0 0		
公的年金等以外の合計所得金額	㊸	1 3 9 8 4 0 0		
配偶者の合計所得金額	㊹			
専従者給与(控除)額の合計額	㊺			
青色申告特別控除額	㊻			
雑所得・一時所得等の源泉徴収税額の合計額	㊼			
未納付の源泉徴収税額	㊽			
本年分で差し引く繰越損失額	㊾			
平均課税対象金額	㊿			
変動・臨時所得金額	㊿			
延納納の出	㊿	0 0		
申告期限までに納付する金額	㊿	0 0 0		
延納届出額	㊿	0 0 0		
還付を受ける場合の所	〇〇			
郵便局名等	〇〇			
口座番号	1 2 3 4 5 6 7			
公金受取口座登録の同意				
公金受取口座の利用				
整理欄	区分			
異動				
名簿				
確認				

第一表
(令和七年分用)

④5・④6・⑤0・⑤2又は⑤3の記入をお忘れなく。

納

[illegible]

資產

Year	Value
1990	1.0
1991	1.0
1992	1.0
1993	1.0
1994	1.0
1995	1.0
1996	1.0
1997	1.0
1998	1.0
1999	1.0
2000	1.0
2001	1.0
2002	1.0
2003	1.0
2004	1.0
2005	1.0
2006	1.0
2007	1.0
2008	1.0
2009	1.0
2010	1.0
2011	1.0
2012	1.0
2013	1.0
2014	1.0
2015	1.0
2016	1.0
2017	1.0
2018	1.0
2019	1.0
2020	1.0
2021	1.0
2022	1.0
2023	1.0
2024	1.0
2025	1.0
2026	1.0
2027	1.0
2028	1.0
2029	1.0
2030	1.0
2031	1.0
2032	1.0
2033	1.0
2034	1.0
2035	1.0
2036	1.0
2037	1.0
2038	1.0
2039	1.0
2040	1.0
2041	1.0
2042	1.0
2043	1.0
2044	1.0
2045	1.0
2046	1.0
2047	1.0
2048	1.0
2049	1.0
2050	1.0
2051	1.0
2052	1.0
2053	1.0
2054	1.0
2055	1.0
2056	1.0
2057	1.0
2058	1.0
2059	1.0
2060	1.0
2061	1.0
2062	1.0
2063	1.0
2064	1.0
2065	1.0
2066	1.0
2067	1.0
2068	1.0
2069	1.0
2070	1.0
2071	1.0
2072	1.0
2073	1.0
2074	1.0
2075	1.0
2076	1.0
2077	1.0
2078	1.0
2079	1.0
2080	1.0
2081	1.0
2082	1.0
2083	1.0
2084	1.0
2085	1.0
2086	1.0
2087	1.0
2088	1.0
2089	1.0
2090	1.0
2091	1.0
2092	1.0
2093	1.0
2094	1.0
2095	1.0
2096	1.0
2097	1.0
2098	1.0
2099	1.0
2100	1.0

41

檢 査

目次

1

—

Các hạng mục cần điền vào tờ khai quyết toán thuế

国税庁HP (2025:10:22;17:04:43.051)

2014年12月

F A 2 3 0 5

令和 07 年分の所得税及び復興特別所得税の確定申告書

○令和八年分から控用は廃止されます

住所氏名	住所	Địa chỉ của bạn
	氏名	Họ tên của bạn

○ 所得の内訳（所得税及び復興特別所得税の源泉徴収税額）

所得の種類	種 目	給与などの支払者の「名称」 及び「法人番号又は所在地」等 ○〇株式会社 ○〇市△△町×-×	収 入 額	源泉徴収税額
給与			円 2,115,560	円 89,310

④ 源泉徴収税額の合計額	89,310
--------------	--------

○ 総合課税の譲渡所得、一時所得に関する事項(⑪)

所得の種類	収入金額	必要経費等	差引金額
	円	円	円

	保険料等の種類	支払保険料等の計	うち年末調整等以外
⑭ 社会保険料控除	国民健康保険	120,000 円	120,000 円
	国民年金	90,000	90,000
⑮ 生命保険料控除	新生命保険料	円	円
	旧生命保険料		
	新個人年金保険料		
	旧個人年金保険料		
	介護医療保険料		
⑯ 地震保険料控除	地震保険料	円	円
	旧長期損害保険料		

Địa chỉ nơi bạn đang làm việc

Tên công ty hoặc tên pháp nhân nơi bạn đang làm việc

○ 寄附金控除に関する事項(29)

寄附先の 名称等	千代田区 豊洲新千代田区九段南1丁目2-1	寄附金	50,000 ^円
特例適用 条文等			

○ 配偶者や親族に関する事項(20~24、35、40)

[illegible]

Hàng đầu tiên, điền tên vợ/chồng là người phụ thuộc

Từ hàng thứ 2, điền họ tên của những người thân phụ thuộc khác

○ 事業専従者に関する事項(58)

事業専従者の氏名	個人番号	続柄	生年月日	従事月数・程度・仕事の内容	専従者給与(控除)額
		明・大 昭・平	・ ・		
		明・大 昭・平	・ ・		

○ 住民税・事業税に関する事項

住民税	非上場株式の 少額配当等	非居住者の 特例	配当割額 控除額	株式等譲渡 所得割額控除額	給与、公的年金等以外の 所得に係る住民税の徴収方法 特別徴収	自分で納付	都道府県、市区町村 への寄附 (特例控除対象)	共同募金、日赤 その他の寄附	都道府県 条例指定寄附	市区町村 条例指定寄附	
							50,000				
送附所得のある配偶者・親族の氏名		個人番号			続柄	生年月日	送附所得を除く所得金額		障害者	その他	寡婦・ひとり親
						明・大 昭・平					
事業税	非課税所得など		番号	所得 金額	損益通算の特例適用前 の不 動 産 所 得		前年中の 間(廃)業		開始・廃止	月日	
	不動産所得から差し引いた 青色申告特別控除額				事業用資産の譲渡損失など				他都道府県の事務所等		
上記の配偶者・親族・事業専従者の うち別居の者の氏名・住所			氏名	住所	所得税で控除対象配偶者 などとした専従者			氏名	給与	一連 番号	

整 理 欄	補充											管理		
	市街区分		手書き 年月日		年	月	日	所得 種別						
	申請 用紙	法	第	の	の	項	号	申 出 期 限	年	月	日			

、税理士署名・電話番号

Các hạng mục cần điền vào tờ khai quyết toán thuế (Trường hợp đủ điều kiện được khấu trừ chi phí y tế)

令和 07 年分 医療費控除の明細書【内訳書】

※ この控除を受ける方は、セルフメディケーション税制は受けられません

住所 Địa chỉ của bạn 氏名 Họ tên của bạn

1 医療費通知に記載された事項
 医療費通知(※)を添付する場合、右記の(1)～(3)を記入します。
 ※医療保険者等が発行する医療費の額等を通知する書類で、次の6項目が記載されたものをいいます。
 (例：健康保険組合等が発行する「医療費のお知らせ」)
 ①被保険者等の氏名、②療養を受けた年月、③療養を受けた者の氏名、④療養を受けた病院・診療所・薬局等の名称、⑤被保険者等が支払った医療費の額、⑥保険者等の名称
 (1) 医療費通知に記載された医療費の額(自己負担額) (注) (2) (1)のうちその年中に実際に支払った医療費の額 (3) (2)のうち生命保険や社会保険(高額療養費など)などで補填される金額
 (注) 医療費通知には前年支払分の医療費が記載されている場合がありますのでご注意ください。

2 医療費(上記1以外)の明細
 「医療を受けた方の氏名」、「病院・薬局などの支払先の名称」ごとにまとめて入力することができます。上記1に入力したものについては、入力しないでください。
 (1) 医療を受けた方の氏名 (2) 病院・薬局などの支払先の名称 (3) 医療費の区分 (4) 支払った医療費の額 (5) (4)のうち生命保険や社会保険(高額療養費など)などで補填される金額
 Name ○○病院
 Name ○○病院
 2 の 合 計
 医療費の合計

3 控除額の計算
 支払った医療費 (合計) 200,000 円
 保険金などで補填される金額
 差引金額 (A-E) 200,000
 所得金額の合計額 1,398,400
 D × 0.05 (赤字のときは0円) 69,920
 Eと10万円のいずれか少ない方の金額 69,920
 医療費控除額 (D-E) 130,080
 A B C D E F G
 申告書第一表の「所得金額等」の合計欄の金額を転記します。
 (注) 次の場合には、それぞれの金額を加算します。
 ・退職所得及び山林所得がある場合…その所得金額
 ・ほかに申告分離課税の所得がある場合…その所得金額(特別控除前の金額)
 なお、損失申告の場合には、申告書第四表(損失申告用)の「4 繰越損失を差し引く計算」欄の(2)の金額を転記します。
 申告書第一表の「所得から差し引かれる金額」の医療費控除欄に転記します。

この明細書は、申告書と一緒に提出してください。○左記1、2に係る領収書等は確定申告期限等から5年間で保管してください。

現在の住所又は居所等	Địa chỉ của bạn	フリガナ氏名	Họ tên của bạn
------------	-----------------	--------	----------------

①	のりしろ
---	------

本人確認書類 (写)

※ 申告書を提出する際には、毎回、本人確認書類の提示又は写しの添付が必要です。

◆ マイナンバーカード (個人番号カード) をお持ちの方

マイナンバーカードの表面及び裏面の写しを貼ってください。

◆ マイナンバーカードをお持ちでない方

「Ⅰ 番号確認書類」の写しと「Ⅱ 身元確認書類」の写しをそれぞれ貼ってください。

※ 原本を貼ることのないよう、ご注意ください。

Ⅰ 番号確認書類	+	Ⅱ 身元確認書類
《ご本人のマイナンバーを確認できる書類の写し》 ・通知カード (現在の氏名・住所等が記載されている場合に 限ります。) ・住民票の写し又は住民票記載事項証明書 (マイナンバーの記載があるものに限ります。) などのうちいずれか1つ		《記載したマイナンバーの持ち主であることを 確認できる書類の写し》 ・運転免許証 ・公的医療保険の被保険者証又は資格確認書 (保険者番号及び被保険者等記号・番号部分をマスキング(塗りつぶし)してください。) ・パスポート ・身体障害者手帳 ・在留カード などのうちいずれか1つ

○ 申告に当たっては、上記及び社会保険料控除、小規模企業共済等掛金控除、生命保険料控除、地震保険料控除、寄附金控除関係書類 (該当するものに限ります。) などを、この台紙にのりづけし申告書と一緒に提出するか、申告書を提出する際に提示してください。

○ 上記以外の書類は、この台紙の裏面や適宜の用紙に貼ってください。

e-Tax で送信すれば 書類の添付 が 不要※ になります !

※一部の書類を除きます。

国税庁HP (2025.10.22:17:04:43.051)
令和 07 年分の 所得税及び 医療費控除の 確定申告書

住所
氏名

控

所得の内訳 (所得税及び確定申告の源泉徴収額)

所得の種類 収入金額 必要経費等 差引金額

給与 2,115,560 89,310

源泉徴収額の合計額 89,310

総合課税の源泉所得、一時所得に関する事項 (①)

所得の種類 収入金額 必要経費等 差引金額

所得の種類 収入金額 必要経費等 差引金額

配偶者や親族に関する事項 (②-④、⑥)

氏名 個人番号 続柄 生年月日 職業 海外居住 所得 住所 住民税 所得

国税 花子 59.5.5 専業主婦 海外居住 所得 住所 住民税 所得

重要事項に関する事項 (⑤)

事業等に関する事項 個人番号 続柄 生年月日 事業の種類 事業の名称 事業の住所 事業の開始年月日 事業の終了年月日 事業の継続期間 事業の収入金額 事業の経費金額 事業の所得金額

住民税・事業税に関する事項

住民税 事業税

令和 07 年分の 所得税及び 医療費控除の 確定申告書

住所
氏名

控

所得の内訳 (所得税及び確定申告の源泉徴収額)

所得の種類 収入金額 必要経費等 差引金額

給与 2,115,560 89,310

源泉徴収額の合計額 89,310

総合課税の源泉所得、一時所得に関する事項 (①)

所得の種類 収入金額 必要経費等 差引金額

所得の種類 収入金額 必要経費等 差引金額

配偶者や親族に関する事項 (②-④、⑥)

氏名 個人番号 続柄 生年月日 職業 海外居住 所得 住所 住民税 所得

国税 花子 59.5.5 専業主婦 海外居住 所得 住所 住民税 所得

重要事項に関する事項 (⑤)

事業等に関する事項 個人番号 続柄 生年月日 事業の種類 事業の名称 事業の住所 事業の開始年月日 事業の終了年月日 事業の継続期間 事業の収入金額 事業の経費金額 事業の所得金額

住民税・事業税に関する事項

住民税 事業税

4 bản này là bản sao lưu nên không nộp.
Ngoài ra, đây không phải là giấy chứng nhận.

令和 07 年分 医療費控除の明細書【内訳書】 (控)

※ この控除を受ける方は、セルフメディケーション税制は受けられません。

住所 氏名

1 医療費通知に記載された事項

2 医療費 (上記1以外) の明細

3 控除額の計算

提出書類等のご案内 (この紙は提出不要です)

補充記入

提出書類の提出準備

提出書類

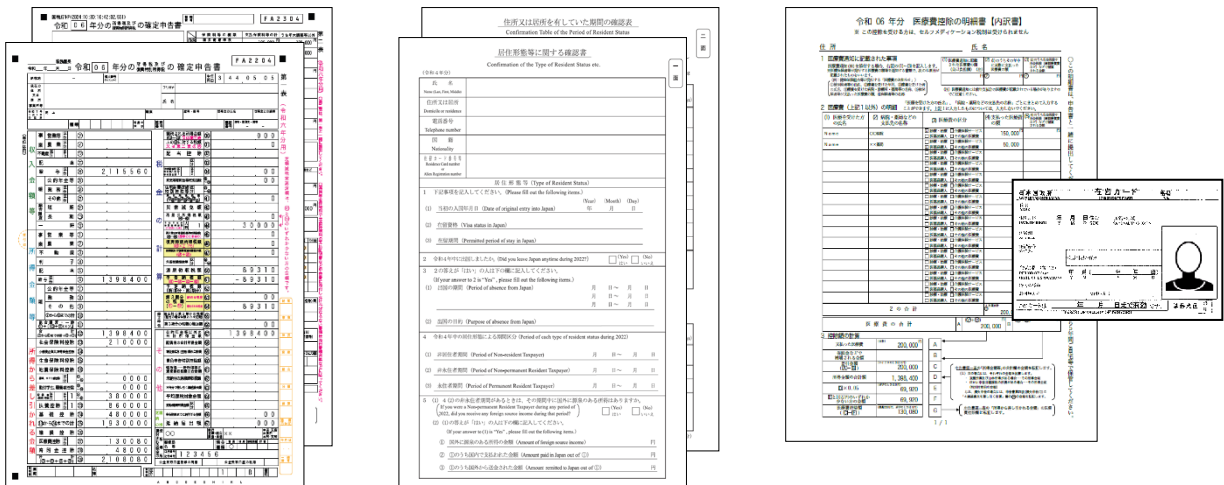
提出先

受付期間

提出方法

提出金 (郵送等) の提出について

Nơi nộp tờ khai quyết toán và các giấy tờ đính kèm



Tờ khai Giấy xác nhận loại hình cư trú, v.v. Giấy tờ đính kèm



Cho vào phong bì

Nơi nộp tờ khai quyết toán thuế và giấy tờ đính kèm

Vui lòng nộp tờ khai quyết toán thuế và các giấy tờ đính kèm cho Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Với một số Cơ quan thuế, Trung tâm xử lý hồ sơ khai thuế sẽ là nơi tiếp nhận hồ sơ quyết toán thuế, v.v. gửi qua đường bưu điện.

Về thông tin địa chỉ của các Cơ quan thuế có thẩm quyền hoặc Trung tâm xử lý hồ sơ khai thuế, vui lòng tham khảo trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế Quốc gia.

(<https://www.nta.go.jp/about/organization/access/map.htm#map>)

